

Phụ lục I
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI CỦA TỈNH ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	CSTP 1: Gia nhập thị trường	> 7.5	< 25	Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối	
1.1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp (số ngày trung vị)	3,00		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh
1.2	Tỷ lệ DN cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên (%)	<=5%			
1.3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (số ngày trung vị)	3			
1.4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi ĐKDN thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	>=90%			
1.5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (%)	>95%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
1.6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ tại bộ phận Một cửa (%)	>95%			
1.7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (%)	>90%			
1.8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (%)	>90%			
1.9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	>90%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh
1.10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	>90%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
1.11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	>=70%			
1.12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (%)	>90%			
1.13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (%)	>90%			
1.14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (%)	>90%			
1.15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN (%)	<=1%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi ĐKDN (%)	<=1%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	<=1%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
1.18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	<3%			
1.19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	0%			
2	CSTP 2: Tiếp cận đất đai	>7.7	<=10	Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối	
2.1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	<30		Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	>58%		Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	<8%			
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	<=10%			
2.5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	<16%			
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	<=30%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện
2.7	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết TTHC đất đai không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	<10%		Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.8	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất nhiều thời gian (%)	<20%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện
2.9	Doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	<1.4		Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện
2.10	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	>37%		Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện
2.11	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (%)	>85%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, UBND cấp huyện
2.12	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua (%)	>65%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện		
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
2.13	Tỷ lệ doanh nghiệp không làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	<8%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ	
2.14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/ hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai (%)	<36%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	
3	CSTP 3: Tỉnh Minh bạch	>6.5	<=20	Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối		
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	>2.76		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện		
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	>3.33		Sở Tư pháp		
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy Minh bạch trong đấu thầu (%)	>80%		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông	
3.4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	>70%				
3.5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	3				
3.6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (%)	>=60%				
3.7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (%)	>=87%				
3.8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (%)	>=60%				
3.9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (%)	>=70%				
3.10	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	<30%				
3.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh" (%)	<40%			Cục Thuế tỉnh	
3.12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (%)	<25%				
3.13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (%)	>60%		Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Các tổ chức, hiệp hội đại diện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3.14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	>50%		Sở Tư pháp	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện
3.15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	>50%			
3.16	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	>50		Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
3.17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	>55%			
4	CSTP 4: Chi phí thời gian	>7.7	<=30	Văn phòng UBND tỉnh làm đầu mối	
4.1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	<20%		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện (%)	>86%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (%)	>86%			
4.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (%)	>81%			
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	>84%			
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phí, lệ phí được công khai (%)	100%			
4.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	>85%			
4.8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (%)	>73%		Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện
4.9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (%)	>73%			
4.10	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (%)	>72%			
4.11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	<=4%		Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện
4.12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm (%)	<2%			
4.13	Tỷ lệ DN phản ánh cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	<3%		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Thanh tra tỉnh
4.14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	<=8		Cục Thuế tỉnh	
5	CSTP 5: Chi phí không chính thức	>7.5	<26	Sở Nội vụ làm đầu mối	
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả chi phí không chính thức (%)	<20%		Các sở, ngành	Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả CPKCT (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	>65%			

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (%)	<10%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
5.4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	>90%			
5.5	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	<15%			
5.6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%)	<5%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh
5.7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	<10%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
5.8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra an toàn phòng cháy (%)	<5%		Công an tỉnh	
5.9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	<5%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh
5.10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	<5%		Chi cục Quản lý thị trường	
5.11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	<5%		Cục Thuế tỉnh	
5.12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng (%)	<5%		Sở Xây dựng	Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh
5.13	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	<1%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
5.14	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (%)	<10%		Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện	
5.15	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	<10%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh
5.16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	<20%		Tòa án nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
6	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	>7.2	<10	Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối	
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác" (%)	>77%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với DNNVV trong nước" (%)	<=43%			
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển DNNVV tại địa phương" (%)	<=25%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	<=16%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "TTHC nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	<=15%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	<=10%			
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	<8%		Sở Tài nguyên và Môi trường	
6.8	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp" lớn (%)	<16%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
6.9	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	<=12%		Cục Thuế tỉnh	
6.10	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự ưu đãi của tỉnh cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và DN tư nhân và DN FDI) gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tôi" (%)	<20%		Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
6.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh" (%)	<30%			
7	CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh	>=6.9	<=30	Văn phòng UBND tỉnh làm đầu mối	
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (%)	>70%		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	
7.2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: "tri hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì" (%)	<18%			
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh" (%)	<=27%		Các sở, ngành, đơn vị	
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi" (%)	>85%		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh
7.5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	>85%			
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố" (%)	<=30%		UBND cấp huyện	

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh" (%)	>85%		Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán" (%)	>=60%		Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh
7.9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình (%)	>75%			
8	CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	>=7.5	<=20	Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối	
8.1	Thủ tục tiếp cận tín dụng cho DNNVV là dễ thực hiện (%)	76%	60%	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV	
8.2	Thủ tục tiếp cận hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện (%)	72%	80%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8.3	Thủ tục tiếp cận mặt bằng tại các KCN/CCN là dễ thực hiện (%)	69%	71%	Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường
8.4	Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp luật là dễ thực hiện (%)	76%	82%	Sở Tư pháp	
8.5	Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường là dễ thực hiện (%)	74%	73%	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện (%)	78%	58%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8.7	Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động là dễ thực hiện (%)	83%	92%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
8.8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (%)	34%	36%	Sở Công Thương	
8.9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	65%	75%		
8.10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs (%)	50%	7%		Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn; các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8.11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	3%	43%		
8.12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	>=1.5%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện
8.13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	>=90%			
9	CSTP 9: Đào tạo lao động	>=6.5	<26	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm đầu mối	
9.1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	37%	34%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	25%	17%		
9.3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	20%	19%		
9.4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	10,87	7,29		
9.5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	12,90	6,67		
9.6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	50%	69%		
9.7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	49,95	50,73		
9.8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% TCTK)	18,28	17,98		
9.9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	24%	31%		
9.10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	>75%		Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
9.11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)	>=6.0			
10	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT	>7.7	<=10	- Sở Tư pháp: đầu mối theo dõi các tiêu chí về Thiết chế pháp lý; - Công an tỉnh: đầu mối theo dõi các tiêu chí về An ninh trật tự	
10.1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	33%	45%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện
10.2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	87%	90%	Các sở, ngành, đơn vị	Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ số	Kế hoạch đến năm 2025		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
10.3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	70%	66%	Tòa án nhân dân tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện
10.4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	70%	53%	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Thanh tra tỉnh
10.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	87%	92%	Tòa án nhân dân tỉnh	
10.6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	79%	87%	Tòa án nhân dân tỉnh	
10.7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	85%	88%	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	Tòa án nhân dân tỉnh
10.8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	89%	88%	Trung tâm TGPL nhà nước - Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan và Các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
10.9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	86%	72%		
10.10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	83%	70%		
10.11	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	88%	90%	Tòa án nhân dân tỉnh	
10.12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	1,52	1,26		
10.13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (% , TANDTC)	95%	90%		
10.14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% , TANDTC)	78%	83%		
10.15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	78%	71%		
10.16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	9%	8%		
10.17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	90%	58%	Công an tỉnh	
10.18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	2%	1%		